TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **102**/2018/HS-ST
Ngày: 26/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Ngọc D; Sinh ngày: 24/7/1979; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số 6 đường số 7, ấp F, xã PVH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc A và bà: Nguyễn Thị Đ; Có vợ: Là bà Ninh Thị Kim X và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 25/10/2018.

Nhân thân:

- Ngày 05/01/2000, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản của công dân » (Bản án số: 09/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/5/2000 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 738/GCN của Trại giam Cái Tàu).

- Ngày 29/11/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản » (Bản án số: 193/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/9/2001 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 554/GCN của Trại giam Mộc Hóa).

(có mặt)

- Bị hại:

Ông Nguyễn Trường A; Sinh năm: 1983; Thường trú: Xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú: 47/5B8 đường TH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kiều D; Sinh năm: 1984; Trú tại: 47/5B8 đường TH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 25/10/2018, khi đi bộ đến trước nhà số 47/5E4A đường TH, Phường N, Quận F, Trần Ngọc D phát hiện có chiếc xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu xám đen biển số 59K2-335.46 của ông Nguyễn Trường A đang dựng trước nhà này. Quan sát thấy xe không khóa cổ và cũng không có người trông coi, nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, D đi đến chỗ để chiếc xe rồi dùng tay đẩy chiếc xe đi được một đoạn khoảng 20 mét thì bị ông A phát hiện tri hô cùng những người xung quanh đuổi theo bắt giữ giao Công an Phường 14, Quận 6 giải quyết.

Tại Công an Phường 14, Quận 6 cũng như tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Trần Ngọc D đều khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Tại Văn bản số: 1712/TCKH ngày 26 tháng 10 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau: 01 xe mô tô biển số 59K2-335.46, nhãn hiệu Honda Airblade, màu xám - đen, số khung: 6321HZ211685, số máy: JF63E2254545, dung tích 124cm^3, mua vào năm 2018, có giá là: 44.700.000 đồng.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 02/QĐ-VKS.Q6 ngày 14 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Ngọc D về tội « Trộm cắp tài sản » theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc D khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu xám đen (bị cáo không nhớ biển số) của ông Nguyễn Trường A tại trước nhà số 47/5E4A đường TH, Phường N, Quận F vào trưa ngày 25/10/2018 và bị bắt quả tang như Quyết định truy tố nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Ngọc D như Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 02/QĐ-VKS.Q6 ngày 14 tháng 11 năm 2018 và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị:

Phạt bị cáo Trần Ngọc D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội « Trộm cắp tài sản » theo khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã thu hồi chiếc xe gắn máy hiệu Honda Airblade, màu xám đen, biển số 59K2-335.46 trả cho ông Nguyễn Trường A, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Ngọc D nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Tòa án xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Ngọc D tại phiên tòa là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của bị hại Nguyễn Trường A và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Tòa án có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Ngọc D đã lợi dụng sự sơ hở của ông Nguyễn Trường A, lén lút chiếm đoạt của ông A 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu xám đen, biển số 59K2-335.46 trị giá 44.700.000 đồng, là phạm tội « Trộm cắp tài sản ». Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố

Hành vi của bị cáo Trần Ngọc D là quá liều lĩnh, không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo Trần Ngọc D có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Bị cáo Trần Ngọc D có nhân thân xấu, đó là ngày 05/01/2000, bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 09 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản của công dân

»; ngày 29/11/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 12 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản ». Mặc dù lần phạm tội này bị cáo Trần Ngọc D đã được xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc D tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc bị cáo bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Tòa án thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản đã được thu hồi trả bị hại); tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn nhận tội; bản thân đang bệnh nặng (nhiễm HIV), nên Tòa án xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo Trần Ngọc D còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả năng thi hành, nên Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Trường A không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường, do đó Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Việc xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu xám đen, biển số 59K2-335.46 trả cho ông Nguyễn Trường A (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 30/10/2018 - BL24), do đó Tòa án không đề cập xử lý.

[8] Bị cáo Trần Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc D** phạm tội: « Trộm cắp tài sản ».

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc D** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2018.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Ngọc D phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Trần Ngọc D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Liên